

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH
Số: 1443/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Bình, ngày 02 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Đồng Hới,
tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG BÌNH

ĐẾN Số: 2426
Ngày: 21/5/2018

Chuyên: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Lưu hồ sơ số: Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;
Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012-2020;
Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;
Căn cứ Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Bình đến năm 2030;
Căn cứ Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 25/7/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030;
Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 06/7/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung điều chỉnh xây dựng thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;
Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và Dự toán lập Chương trình phát triển đô thị thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1029/TTr-SXD ngày 06 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Chương trình: Chương trình phát triển đô thị thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035.

2. Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi ranh giới nghiên cứu là toàn bộ ranh giới hành chính của thành phố Đồng Hới.

3. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị

3.1. Quan điểm:

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đến năm 2020 và Quy hoạch chung điều chỉnh xây dựng thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, phát triển đô thị trên nguyên tắc tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, là hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Sắp xếp, hình thành và phát triển đô thị đồng bộ phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Từng bước xây dựng thành phố Đồng Hới đạt tiêu chí là đô thị loại 1, phát triển bền vững, có cơ sở hạ tầng đồng bộ và môi trường sống ngày càng được nâng cao.

- Lồng ghép và phối hợp hiệu quả với các chương trình, kế hoạch, dự án đang triển khai hoặc đã được phê duyệt liên quan đến phát triển đô thị trên phạm vi thành phố. Phát triển đô thị phải chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và kiểm soát chất lượng môi trường đô thị, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, cải tạo và xây dựng mới đô thị xanh, đô thị sinh thái; tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển không gian đô thị theo định hướng Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, Quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt, phù hợp với chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh.

- Làm cơ sở cho việc đầu tư phát triển đô thị, các khu vực ưu tiên đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch cho từng giai đoạn 5 năm và hàng năm.

- Triển khai các giải pháp và nhiệm vụ thực hiện cho từng giai đoạn, đề xuất các cơ chế chính sách, thu hút nguồn vốn và huy động các nguồn lực đầu tư vào mục tiêu xây dựng đô thị.

- Làm cơ sở để lập các đề án đánh giá nâng loại đô thị.

- Phát huy có hiệu quả mối quan hệ nội, ngoại vùng, các thế mạnh về du lịch, năng lượng, khoáng sản, nông, lâm nghiệp, văn hoá, sinh thái, vị trí địa lý để phát triển kinh tế- xã hội của thành phố.

- Xác định các vùng, các trục động lực phát triển kinh tế động lực.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển mạng lưới đô thị và phát huy những lợi thế có sẵn phù hợp với các đề án Quy hoạch chung được duyệt; khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực tạo ra môi trường sống chất lượng tốt cho cư dân đô thị, đảm bảo lợi ích cộng đồng.

4. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị

4.1. Đến năm 2025:

- Diện tích sàn nhà ở bình quân phân đầu đạt khoảng 29m²/người. Tỷ lệ nhà kiên cố phân đầu đạt khoảng 97%.

- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đạt 25%.
- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng trở lên đạt 15%.
- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch đạt 100%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 120 lít/người/ngày đêm. Dân số vắng lai đạt 80 lít/người/ngày đêm.
- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 90% diện tích lưu vực thoát nước trong đô thị; tỷ lệ nước thải sinh hoạt tập trung được thu gom và xử lý đạt 60%.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm đạt 100%. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.
- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 18%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt 95%; 100% rác thải y tế, chất thải rắn công nghiệp (thông thường và nguy hại) được thu gom và xử lý đảm bảo yêu cầu về môi trường.
- Tỷ lệ chiếu sáng các tuyến đường chính đạt 100%; tỷ lệ chiếu sáng khu nhà ở, ngõ xóm đạt 85%.
- Diện tích đất cây xanh đô thị phân đầu đạt 8m²/người; đất cây xanh công cộng khu vực nội thị 6m²/người.

4.2. Đến năm 2035:

- Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt khoảng 30m²/người; tỷ lệ nhà kiên cố đạt 99%.
- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đạt tối thiểu 25%.
- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng các đô thị đạt 30%.
- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch đạt 100%, tiêu chuẩn cấp nước cho đô thị đạt 150 lít/người/ngày đêm. Dân số vắng lai đạt 100 lít/người/ngày đêm.
- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 95% diện tích lưu vực thoát nước trong đô thị, tỷ lệ nước thải sinh hoạt tập trung trong đô thị được thu gom và xử lý đạt 80%.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm đạt 100%. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.
- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 15%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt 100%; 100% rác thải y tế, chất thải công nghiệp (thông thường và nguy hại) phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo yêu cầu về môi trường.
- Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường chính và khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt tỷ lệ 100%.
- Diện tích đất cây xanh đô thị phân đầu đạt 10m²/người; đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt 7m²/người.

5. Đề xuất các khu vực phát triển đô thị giai đoạn 2017 - 2035: Thành phố Đồng Hới đến năm 2035 phát triển đô thị gồm 7 khu vực như sau:

5.1. Khu vực 1:

- Phạm vi ranh giới: bao gồm ranh giới hành chính của các phường Đồng Phú, Đồng Mỹ, Hải Đình.
- Quy mô: Diện tích đất tự nhiên là 575,06 ha.

- Các khu vực phát triển đô thị gồm:

* Các khu đô thị mới:

+ Khu nhà ở thương mại phía Bắc đường Trần Quang Khải khoảng 11,7 ha.

+ Khu nhà ở thương mại phía Đông Đường Phùng Hưng khoảng 14 ha.

+ Khu nhà ở thương mại phía Bắc kênh Phóng Thủy khoảng 10,8 ha.

+ Khu nhà ở thương mại phía Nam đường Trần Hưng Đạo, giáp với Đài phát sóng, phát thanh Đồng Hới khoảng 4 ha.

+ Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông, đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phần khoảng 13,6 ha.

* Các khu vực có chức năng đặc thù:

+ Khu vực công viên dọc hai bên sông Cầu Rào.

+ Quần thể tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh, diện tích sử dụng đất khoảng 7ha ở khu vực thành nội thuộc phường Hải Đình.

+ Cải tạo, chỉnh trang công viên ven sông Nhật Lệ.

* Các khu vực cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện trạng.

5.2. Khu vực 2:

- Phạm vi ranh giới: Ranh giới hành chính phường Nam Lý.

- Quy mô: Diện tích đất tự nhiên là 400,66 ha.

- Các khu vực phát triển đô thị gồm:

* Các khu đô thị mới:

+ Khu vực đô thị mới Tây Hữu Nghị: khoảng 6,5 ha bao gồm các khu chức năng: khu ở và các chức năng công cộng.

+ Khu nhà ở thương mại dọc bên sông Cầu Rào: khoảng 3ha bao gồm các khu chức năng: khu ở và các chức năng công cộng.

* Các khu vực có chức năng đặc thù:

+ Khu vực công viên dọc hai bên sông cầu rào.

+ Khu vực Bệnh viện hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, quy mô khoảng 7ha.

* Các khu vực cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện trạng.

5.3. Khu vực 3:

- Phạm vi ranh giới: Ranh giới hành chính phường Đức Ninh Đông.

- Quy mô: Diện tích đất tự nhiên là 278,10 ha.

- Các khu vực phát triển đô thị gồm:

* Các khu đô thị mới:

+ Khu vực đô thị mới trung tâm hành chính phường Đức Ninh Đông khoảng 6,7 ha.

+ Khu dân cư dọc ven sông Lệ Kỳ, dọc theo đường 36m khoảng 10 ha.

+ Khu dân cư phía Tây Bắc đường Lê Lợi khoảng 10 ha.

+ Khu dân cư phía Tây Nam đường Lê Lợi, giáp sông khe Duyên khoảng 4 ha.

* Các khu vực có chức năng đặc thù:

+ Khu trung tâm hành chính thành phố: Trụ sở thành ủy, HĐND-UBND thành phố và các cơ quan chức năng khác, quy mô khoảng 7,3 ha.

+ Khu vực công viên trung tâm thành phố, quy mô khoảng 5 ha.

* Các khu vực cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện trạng.

5.4. Khu vực 4:

- Phạm vi ranh giới: bao gồm các xã Nghĩa Ninh và Đức Ninh.
- Quy mô: Diện tích đất tự nhiên khoảng 2125,99 ha.
- Các khu vực phát triển đô thị gồm:
 - * Các khu đô thị mới:
 - + Khu vực khu dân cư dọc theo sông khe Duyên xã Đức Ninh khoảng 5 ha.
 - + Khu dân cư khu vực thôn 9, xã Nghĩa Ninh khoảng 9 ha.
 - * Các khu vực có chức năng đặc thù:
 - + Cụm tiểu thủ công nghiệp xã Nghĩa Ninh, quy mô 10 ha
 - + Nhà máy xử lý nước thải xã Đức Ninh, quy mô 14 ha.
 - + Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công Nông nghiệp, quy mô khoảng 8 ha.
 - * Các khu vực cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện trạng.

5.5. Khu vực 5:

- Phạm vi ranh giới: bao gồm các phường: Đồng Sơn, Bắc Nghĩa, Bắc Lý và các xã: Thuận Đức, Lộc Ninh.
- Quy mô: Diện tích đất tự nhiên khoảng 9.560,41 ha.
- Các khu vực phát triển đô thị gồm:
 - * Các khu đô thị mới:
 - + Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thái Tổ, phường Bắc Nghĩa, diện tích khoảng 17ha.
 - + Khu dân cư phường Bắc Nghĩa, diện tích 4,2ha.
 - + Khu dân cư dọc theo đường Trần Hưng Đạo nối dài tại phường Bắc Nghĩa khoảng 37 ha.
 - + Khu dân cư khu vực hồ Bàu Rền, phường Bắc Nghĩa khoảng 15 ha.
 - + Khu dân cư khu vực đường Phan Đình Phùng gần ngã ba Phú Quý, xã Thuận Đức khoảng 30 ha.
 - + Khu dân cư phía Tây Nam Quốc lộ 1 đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phấn, phường Bắc Lý khoảng 30 ha.
 - + Khu dân cư phía dọc hai bên đường tránh Quốc lộ 1, phường Bắc Lý khoảng 43 ha.
 - + Trường Đại học Quảng Bình, quy mô khoảng 14 ha với 8.000 - 10.000 sinh viên.
 - + Khu nhà ở thương mại phía Tây phường Phóng Thủy, phường Bắc Lý khoảng 10,5 ha.
 - + Khu dân cư đoạn từ đường Cao Thắng đến đường quy hoạch 36m thuộc xã Lộc Ninh với quy mô khoảng 23 ha.
 - * Các khu vực có chức năng đặc thù:
 - + Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, diện tích 62,56 ha.
 - + Khu công nghiệp Bắc Đồng Hới: khu vực mở rộng diện tích 103 ha.
 - + Cụm tiểu thủ công nghiệp phường Bắc Nghĩa, diện tích 10,2 ha.
 - + Cụm tiểu thủ công nghiệp xã Thuận Đức, diện tích 9,3 ha.
 - + Bệnh viện Sản-Nhi thuộc phường Bắc Lý, diện tích 2,5 ha.
 - + Sân vận động thành phố Đồng Hới, diện tích khoảng 8 ha tại xã Lộc Ninh.
 - * Các khu vực cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện trạng.

5.6. Khu vực 6:

- Phạm vi ranh giới: bao gồm các xã: Bảo Ninh, Quang Phú và phường Hải Thành.

- Quy mô: Diện tích đất tự nhiên khoảng 8.228,47 ha.

- Các khu vực phát triển đô thị gồm:

* Các khu đô thị mới:

+ Khu đô thị mới thôn Sa Động dọc theo đường 36 m, diện tích 4,2 ha.

+ Khu đô thị mới thôn Đồng Dương, diện tích 5,5 ha.

+ Khu đô thị mới thôn Hà Dương, diện tích 25 ha.

+ Khu đô thị mới Sunrise, diện tích 400 ha.

* Các khu vực có chức năng đặc thù:

+ Khu quảng trường biển, khu công viên cây xanh (xã Bảo Ninh): 7,4 ha.

+ Khu vườn hoa và tượng đài Võ Nguyên Giáp quy mô khoảng 2,3ha.

+ Khu thể thao tổng hợp thành phố Đồng Hới, thôn Hà Dương diện tích 12,8ha.

+ Khu vực khách sạn, nhà hàng dịch vụ dọc biển Hải Thành, Quang Phú, Bảo Ninh.

* Các khu vực cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện trạng.

5.7. Khu vực 7:

- Phạm vi ranh giới: Ranh giới hành chính phường Phú Hải.

- Quy mô: Diện tích đất tự nhiên là 312,61 ha.

- Các khu vực phát triển đô thị gồm:

* Các khu đô thị mới:

+ Khu dân cư dọc phường Phú Hải quy mô khoảng 43 ha.

+ Khu đô thị mới phía Đông sông Lệ Kỳ quy mô khoảng 10 ha.

+ Khu thương mại, khách sạn cao cấp Mũi Sác với diện tích quy hoạch khoảng 46 ha.

* Các khu vực có chức năng đặc thù:

+ Bến xe Trung tâm thành phố Đồng Hới, diện tích 1,9 ha.

+ Cụm tiểu thủ công nghiệp phường Phú Hải, diện tích 1,5 ha.

* Các khu vực cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện trạng.

6. Danh mục các dự án đầu tư các chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2018 - 2025 và giai đoạn 2025 - 2035:

- Chương trình 01: Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, bao gồm các dự án về giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.

- Chương trình 02: Cải tạo nâng cấp khu vực dân cư và nhà ở, bao gồm: Nâng cấp, chỉnh trang khu dân cư hiện có, cải tạo chỉnh trang đô thị các phường Hải Đình, Đồng Mỹ, Đồng Phú, Nam Lý, Đức Ninh Đông, Phú Hải. Dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và nhà ở thương mại.

- Chương trình 03: Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội bao gồm các dự án về y tế, giáo dục, thể dục thể thao,...

- Chương trình 04: Phát triển hệ thống thương mại dịch vụ bao gồm các dự án trung tâm thương mại, chợ và siêu thị.

- Chương trình 05: Xây dựng cơ sở vật chất để phát triển du lịch bao gồm các công trình văn hóa, biểu tượng, bảo tồn, phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên, phát triển các khu, cụm du lịch...

- Chương trình 06: Hoàn thiện cơ sở vật chất phát triển công nghiệp, nông nghiệp bao gồm hoàn thiện cơ sở vật chất các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển nông, lâm, thủy sản.

7. Khu vực phát triển đô thị ưu tiên thực hiện giai đoạn 2018 - 2025:

+ Dự án Nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thái Tổ diện tích khoảng 7,8ha.

+ Dự án nhà ở thương mại trung tâm hành chính phường Đức Ninh Đông, diện tích khoảng 6,7ha.

+ Dự án nhà ở thương mại phía Đông sông Lệ Kỳ, phường Phú Hải, diện tích khoảng 10ha.

+ Dự án nhà ở thương mại phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, diện tích khoảng 3ha.

+ Dự án nhà ở thương mại Bắc kênh Phóng Thủy, diện tích khoảng 10,8ha.

+ Dự án nhà ở thương mại Đông đường Phùng Hưng, diện tích khoảng 14ha.

+ Dự án nhà ở thương mại Bắc đường Trần Quang Khải, diện tích khoảng 11,7ha.

+ Dự án nhà ở thương mại khu vực đài phát sóng Đồng Hới, diện tích khoảng 4ha.

+ Dự án nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông (đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phấn), diện tích khoảng 30ha.

+ Dự án nhà ở thương mại Vingruop, diện tích khoảng 0,95ha.

+ Dự án nhà ở thương mại tại phường Phú Hải, diện tích khoảng 43ha.

+ Khu thương mại, khách sạn cao cấp Mũi Sác, diện tích khoảng 46ha.

+ Khu đô thị Sunrise Bảo Ninh, diện tích khoảng 400ha.

+ Khu Đô thị thôn Hà Dương xã Bảo Ninh, diện tích khoảng 25ha.

+ Khu dân cư thôn Sa Động (dọc 2 bên đường 36 m, khu vực giáp với vườn hoa công viên tượng đài Võ Nguyên Giáp), diện tích khoảng 4,2ha.

+ Khu đô thị mới thôn Đồng Dương, diện tích khoảng 5,5ha.

+ Khu dân cư Tây Hữu Nghị (khu vực mở rộng về phía Nam) diện tích khoảng 6,5ha.

+ Khu dân cư Tây Hữu Nghị (khu vực mở rộng về phía Đông), diện tích khoảng 2,5ha.

+ Khu dân cư Tây Bắc đường Lê Lợi, diện tích khoảng 10ha.

+ Khu dân cư ven sông Lệ Kỳ dọc theo tuyến đường 36m, diện tích khoảng 10ha.

+ Khu dân cư phía Đông Nam đường Lê Lợi, diện tích khoảng 10,5ha.

8. Nguồn vốn thực hiện:

- Vốn ngân sách đầu tư xây dựng giai đoạn 2017 - 2035 khoảng 3.303,72 tỷ đồng (chiếm 16,3 %), bình quân khoảng 183,54 tỷ đồng/năm.

- Vốn vay ODA giai đoạn 2017 - 2035 khoảng 1.770 tỷ đồng (chiếm 8,7 %), bình quân khoảng 98 tỷ đồng/năm.

- Vốn ngoài ngân sách đầu tư xây dựng giai đoạn 2017 - 2035 khoảng 15.228,034 tỷ đồng (chiếm 75 %), bình quân khoảng 846 tỷ đồng/năm.

- Huy động vốn từ các nguồn vốn hỗ trợ, đối ứng, vay, xã hội hóa và kêu gọi đầu tư bằng các hình thức ODA, BOT, BT, PPP,... để đầu tư xây dựng.

9. Tổ chức thực hiện

9.1. Sở Xây dựng:

- Giúp UBND tỉnh quản lý các khu vực phát triển đô thị trong thời gian tỉnh chưa thành lập Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị.

- Chủ trì tổ chức công bố Chương trình phát triển đô thị thành phố Đồng Hới giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035.

- Triển khai thực hiện các khu vực phát triển đô thị và kế hoạch phát triển đô thị sau khi Chương trình được phê duyệt. Rà soát đồ án quy hoạch chung thành phố Đồng Hới theo định kỳ 5 năm để báo cáo, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình phát triển đô thị.

- Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Chương trình cho từng giai đoạn để rút kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.

9.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu, đề xuất các cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút các nguồn lực đầu tư theo Chương trình này và chủ trì xúc tiến kêu gọi đầu tư phát triển đô thị.

9.3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu, đề xuất các chính sách về đất đai để tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư; quản lý và hướng dẫn quản lý đất đai hiệu quả, kịp thời xử lý các trường hợp sử dụng đất sai mục đích.

9.4. Sở Tài chính: Tham mưu, đề xuất nguồn vốn cho công tác phát triển đô thị và thành lập quỹ phát triển đô thị, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

9.5. Các sở, ban, ngành liên quan: Lập và quản lý các quy hoạch ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo khớp nối với Chương trình phát triển đô thị thành phố Đồng Hới được duyệt.

9.6. UBND thành phố Đồng Hới: Thực hiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Đồng Hới; khớp nối, lồng ghép các nội dung của Chương trình với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan và Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVXDCB.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Quang